

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NĂM CĂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 28-9-2022  
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Diệu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông V Xuân Chính.

Ông Hà Thanh Phong.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Trần Văn V, sinh năm 1978 (*Xin vắng mặt*).

Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn:* Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1982 (*Xin vắng mặt*).

ĐKTT tại: Ấp K, xã T, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: 152b, Ấp 5, xã P, huyện B, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 8 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn V trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn V và bà Đoàn Thị T có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 1997, hôn nhân có tổ chức đám cưới gả theo phong tục của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống, lúc đầu hôn nhân hạnh phúc nhưng đến năm 2021 vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay cự cãi và ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên ông Trần Văn V yêu cầu ly hôn với bà Đoàn Thị T.

- Về nuôi con: Vợ chồng có hai người con chung.

Trần Thị Anh T, sinh ngày 30/4/2002;

Trần Đoàn Mai T, sinh ngày 28/10/2018.

Khi ký hôn, cháu Anh T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với cháu Mai T, ông V yêu cầu được nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai đề ngày 21 tháng 9 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đoàn Thị T trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà T và ông Trần Văn V chung sống với nhau từ năm 1997, hôn nhân có tổ chức lễ cưới gả theo phong tục địa phương nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, gia đình không hòa thuận và hòa hợp dẫn đến mất hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay. Qua yêu cầu ly hôn của ông V, bà T đồng ý ly hôn.

- Về việc nuôi con, có hai người con chung tên.

Trần Thị Anh T, sinh ngày 30/4/2002 (nữ);

Trần Đoàn Mai T, sinh ngày 28/10/2018 (nữ).

Khi ly hôn, cháu Anh T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với cháu Mai T, bà T đồng ý cho ông V nuôi dưỡng.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1]. Về thủ tục tố tụng**

Ông Trần Văn V yêu cầu ly hôn với bà Đoàn Thị T, yêu cầu nuôi con, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do bà T đăng ký thường trú tại ấp K, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông Trần Văn V và bà Đoàn Thị T có đơn xin vắng mặt phiên xét xử vì đang làm việc ở xa, điều kiện đi lại khó khăn, yêu cầu này của ông V và bà T là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **[2]. Về nội dung vụ án**

- Về hôn nhân: Ông Trần Văn V và bà Đoàn Thị T có thời gian tìm hiểu và chung sống vào năm 1997, hôn nhân có tổ chức đám cưới gả theo phong tục của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm, vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông V yêu cầu ly hôn với bà T, bà T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự vì ông V và bà T chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì quan hệ của ông Trần Văn V và bà Đoàn Thị T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về nuôi con: Ông V và bà T có hai người con chung.

Trần Thị Anh T, sinh ngày 30/4/2002 (nữ);

Trần Đoàn Mai T, sinh ngày 28/10/2018 (nữ).

Khi ly hôn, cháu Anh T đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với cháu Mai T, ông V và bà T thống nhất giao cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Trâm được 04 tuổi, thời gian vợ chồng ly thân thì cháu Trâm sống với ông V, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định của Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Ông Trần Văn V phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông V được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn V và bà Đoàn Thị T.

- Về nuôi con: Ông V và bà T có hai người con chung.

Trần Thị Anh T, sinh ngày 30/4/2002 (nữ);

Trần Đoàn Mai T, sinh ngày 28/10/2018 (nữ).

Khi ly hôn, cháu Anh T đã trưởng thành nên không giải quyết việc nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Đoàn Mai T cho ông Trần Văn V trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, ông Trần Văn V phải chịu 300.000 đồng, ông V được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015700 ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, ông V không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phan Diệu Hiền**